

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 6 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành
Bà Trần Thị Kim Khuyên

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa : Ông Hoàng Quốc Khánh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Quang Hảo - kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164 /2021/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:164/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Xxã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

-Bị đơn: Anh Lại Văn N, sinh năm 1981(vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2021, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị kết hôn với anh Lại Văn N ngày 17/11/2004 trước khi cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Kết hôn xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh N ngay. Quá trình chung sống đến tháng 12 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do anh N chơi bời nghiện ma túy, không chịu làm ăn, không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh không nghe nên vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009, hiện đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đi làm công nhân thu nhập bình quân của chị 6.000.000đ đến 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 nhà 4 gian, 01 nhà bếp, 01 chuồng trại, 01 sân gạch, 86m² đất ở đã được cấp GCNQSD đất, 01 thửa đất vườn không biết diện tích cụ thể đều có địa chỉ tại thôn Y, xã B. Quá trình giải quyết chị yêu cầu chia đôi số tài sản trên.

Về công nợ: Vợ chồng nợ Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh H 100.000.000đ, vay nước sạch 20.000.000đ, ông Nguyễn Văn Đ 78.000.000đ, bà Nguyễn Thị T 5.000.000đ, anh Nguyễn Văn N 05 chỉ vàng 9999 và 5.000.000đ, bà Khổng Thị H 15.000.000đ. Quá trình giải quyết chị yêu cầu chia đôi số công nợ.

Ngày 09/5/2022 chị rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung và công nợ chị chỉ đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung.

Về tài sản riêng và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lại Văn N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết anh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị A ngày 17/11/2004 trước khi cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tổ chức xong chị A về làm ăn chung sống cùng gia đình anh ngay. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2021 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có chơi bời, ít quan tâm đến gia đình, chị A có khuyên bảo nhiều lần nhưng vợ chồng cãi chửi nhau. Chị A bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, anh không đánh đuổi. Trong quá trình ly thân anh có gọi điện, đến đón nhưng chị A không về. Nay chị A xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009, hiện đang ở cùng chị A. Nếu xảy ra ly hôn anh xin nuôi cháu C để chị A nuôi cháu L, hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: vợ chồng có 01 nhà 4 gian làm năm 2006, 01 sân lãi gạch làm năm 2017, 01 nhà bếp làm năm 2018. Nếu ly hôn anh đề nghị chia bằng hiện vật, chị A ngăn nửa để sử dụng hoặc dỡ đem đi là của chị A.

Đối với diện tích đất 84m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên anh năm 2019 là do bố anh cho từ năm 2019 khi đó bố anh cho riêng anh (bằng miệng không có văn bản gì về việc cho riêng anh). Khi bố anh cho đất vợ chồng anh vẫn đang sinh sống bình thường. Anh xác định diện tích đất này là tài sản riêng của anh không phải là tài sản chung của vợ chồng.

Đối với diện tích đất vườn anh đang sử dụng là của bố đẻ anh là ông Lại Văn C cho anh mượn để sử dụng sản xuất từ năm 2006, chưa bao giờ bố đẻ anh cho hay

bán diện tích đất này cho anh (diện tích cụ thể bao nhiêu m² thì anh không nắm được vì chưa đo đạc). Anh xác định diện tích đất này là của bố anh không phải là tài sản chung của vợ chồng. Do khi vợ chồng anh ra ở trên đất chưa xác định được thổ cư ở chỗ nào nên cứ làm nhà ở tạm, bố anh cũng không có ý kiến gì và chỉ nói cứ ở tạm đó khi nào xác định được phần đất thổ cư mà không phải ở chỗ làm nhà thì ở tạm để sử dụng sản xuất khi nào bố anh có nhu cầu sử dụng thì phải trả lại cho bố anh.

Về công nợ: Vợ chồng không cho ai vay và có nợ Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh H 100.000.000đ (anh đã trả tháng 02/2022), vay nước sạch 20.000.000đ, ông Nguyễn Văn Đ (bố đẻ chị A) 78.000.000đ, anh Nguyễn Văn N (em trai chị A) 05 chỉ vàng 9999 và 5.000.000đ. Ly hôn anh trả cho Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh H (đã trả) và nước sạch 20.000.000đ, còn đẻ chị A trả ông Đ và anh N.

Đối với việc chị A trình bày nợ bà Không Thị H (mẹ đẻ chị A) 15.000.000đ và bà Nguyễn Thị T 5.000.000đ anh không biết không liên quan gì đến anh, anh không đồng ý trả.

Về tài sản riêng và công sức: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Qua xác minh tại UBND xã B: Chị Nguyễn Thị A và anh Lại Văn N kết hôn ngày 17/11/2004, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND B. Sau khi kết hôn chị A về chung sống cùng gia đình anh N ngay. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được nhưng theo dư luận địa phương do anh N chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình. Chị A đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ khoảng tháng 9, tháng 10/2021 đến nay. Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009. Về tài sản công nợ, công sức địa phương không biết anh chị có gì. Nay anh chị ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các bên.

Quá trình giải quyết vụ án lấy lời khai cháu Lại Thị L, cháu Lại Văn C, các cháu đều xin được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Lại Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị A, anh N mỗi người nuôi một con. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.
3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ.
4. Về tài sản riêng và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.
5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lại Văn N bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, quá trình giải quyết anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị A và anh Lại Văn N là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do anh N chơi bời, nghiện ma túy, không quan tâm đến gia đình. Nay chị A xin ly hôn anh N xin đoàn tụ để vợ chồng về làm ăn chung sống. Đối với anh Lại Văn N, tòa án đã báo gọi nhiều lần đến làm việc nhưng anh đều vắng mặt, anh đã có lời khai anh xin đoàn tụ để vợ chồng về ăn nuôi dạy con cái nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng. Xét thấy: Từ tháng 10/2021 vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị A và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị A xin ly hôn anh N là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009, hiện đang ở cùng chị A. Ly hôn chị A xin nuôi cả hai con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh N xin nuôi cháu C để chị A nuôi cháu L và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Xét việc nuôi con của các bên thấy rằng để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên cũng như quyền và nghĩa vụ của cha mẹ với con chung nên giao cho chị Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, anh Lại Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009. Việc anh chị không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết chị A yêu cầu chia đôi tài sản chung vợ chồng gồm có 01 nhà 4 gian, 01 nhà bếp, 01 chuồng trại, 01 sân gạch,

86m2 đất ở đã được cấp GCNQSD đất, 01 thửa đất vườn không biết diện tích cụ thể đều có địa chỉ tại thôn Y, xã B. Anh N không yêu cầu gì.

Về công nợ: Chị A yêu cầu chia đôi số công nợ gồm nợ Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh H 100.000.000đ, vay nước sạch 20.000.000đ, ông Nguyễn Văn Đ 78.000.000đ, bà Nguyễn Thị T 5.000.000đ, anh Nguyễn Văn N 05 chỉ vàng 9999 và 5.000.000đ, bà Khổng Thị H 15.000.000đ. Anh N không yêu cầu gì.

Ngày 09/5/2022 chị A có đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung và công nợ chị chỉ đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân và con chung là hoàn toàn tự nguyện. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ.

[5] Về tài sản riêng và công sức: Chị A, anh N không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Chị A tự nguyện nộp không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu theo quy định của pháp luật. Đối với án phí phân chia tài sản do chị A rút yêu cầu Tòa án đình chỉ do vậy cần trả lại cho chị tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

1. Xử cho chị Nguyễn Thị A và anh Lại Văn N được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Thị L, sinh ngày 13/12/2005, anh Lại Văn N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lại Văn C, sinh ngày 06/5/2009, hiện cháu C đang ở cùng chị A. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Chị A, anh N có quyền thăm nuôi con không ai được ngăn cản.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung và công nợ.

4. Về tài sản riêng và công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006123 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị A nộp đủ án phí. Trả cho chị Nguyễn Thị A 2.500.000đ tạm ứng án phí phân chia tài sản theo biên lai thu tiền số 0006153 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Bắc Bình;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Huệ